

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B3** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH04226** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng anh**
Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2256201161368	Huỳnh Trung Nghĩa	03/08/2007					6	6.0	6.5	6.8	4.8		5.0		5.4
2	2256201161369	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/12/2007					6	5.3	4.8	6.5	5.0		5.6		5.5
3	2256201161370	Huỳnh Chí Nhân	07/02/2007					6	4.5	7.8	6.0	5.0		5.0		5.3
4	2256201161371	Dương Phương Nhu	12/03/2007					6	5.0	4.0	6.3	4.3		5.0		5.0
5	2256201161372	Nguyễn Thị Huỳnh Như	22/05/2007					6	4.3	3.8	4.5	7.0		5.0		5.0
6	2256201161373	Phạm Thị Quỳnh Như	30/03/2007					6	5.5	5.0	7.5	6.3		6.2		6.1
7	2256201161374	Nguyễn Tấn Phát	02/07/2007					6	4.5	4.0	6.3	6.5		5.4		5.4
8	2256201161375	Trần Tấn Phát	05/12/2006					6	5.3	6.0	5.0	6.3		5.2		5.4
9	2256201161376	Trần Tấn Phát	09/11/2007					7	5.8	4.0	6.3	5.8		5.0		5.3
10	2256201161377	Trần Hoàng Phúc	09/06/2007					5	4.8	5.0	6.8	5.8		6.4		6.1
11	2256201161378	Bùi Hồng Phước	28/08/2006					6	5.5	5.0	6.3	5.3		5.6		5.6
12	2256201161379	Nguyễn Chí Thành	30/11/2007					6	4.3	8.0	6.8	6.3		5.6		5.9
13	2256201161380	Nguyễn Phú Thành	11/07/2007					0	2.8	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.2
14	2256201161381	Đỗ Thành Thông	10/09/2007					6	5.5	3.8	8.0	5.0		7.0		6.4
15	2256201161382	Phan Văn Thủ	07/03/2007					7	7.0	6.8	7.3	6.8		6.4		6.6
16	2256201161383	Nguyễn Chí Tình	05/12/2007					6	4.5	4.8	9.3	5.0		4.0	6.6	6.3
17	2256201161384	Phạm Thùy Trang	19/03/2007					6	5.5	8.3	5.0	4.8		5.8		5.8
18	2256201161385	Trần Diễm Trang	19/04/2007					6	5.3	7.0	7.3	5.0		6.2		6.2
19	2256201161386	Nguyễn Thành Trung	26/08/2007					6	4.8	4.3	5.5	6.3		5.0		5.1
20	2256201161387	Phùng Văn Tú	31/03/2007					5	6.0	4.8	7.0	4.5		5.0		5.2
21	2256201161388	Bùi Phú Tường	28/08/2006					6	5.0	8.3	7.5	7.3		5.8		6.2

Châu Đốc, ngày 10 tháng 03 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thị Ngọc Thảo